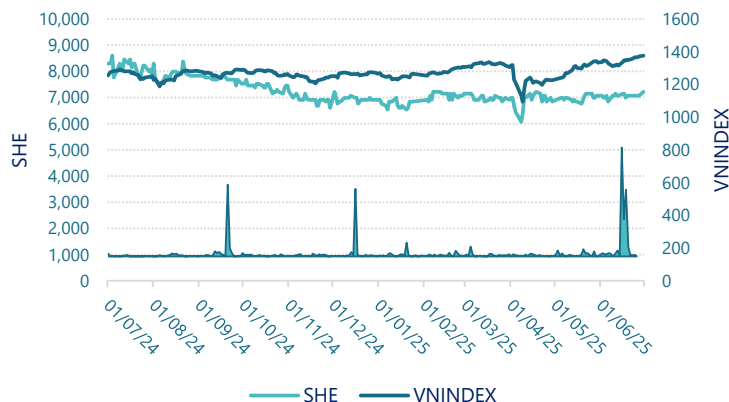


CTCP Phát triển Năng lượng Sơn Hà (HNX: SHE)

Lịch sử giá



Thông tin giao dịch 30/06/2025

Giá hiện tại (VNĐ)	9,400
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	8,606
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	6,071
SL cổ phiếu LH	11,502,516
KLGD BQ 20 phiên (CP)	1,725
% sở hữu nước ngoài	0.9%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	108
P/E	8.3
EPS	1,130

DT thuần

Q2/25

132

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 66.5 | 101%

YoY: ▲ 94.4 | 251%

LN sau thuế

Q2/25

3.05

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 0.71 | 30.5%

YoY: ▼ 0.08 | -2.4%

Tỷ suất lãi EBIT

Q2/25

3.9%

+/- YoY: ▼ 9.8%

DT thuần

6T 2025

197

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 120 | 155%

LN sau thuế

6T 2025

5.39

tỷ VNĐ

YoY: ▼ 1.04 | -16.1%

ROE

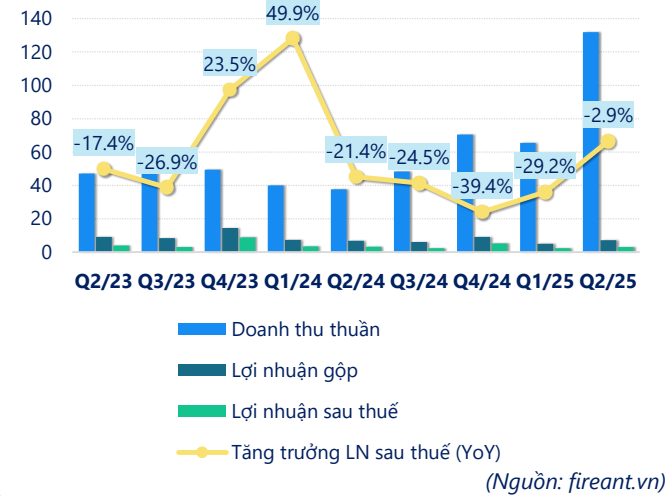
Q2/25

8.7%

+/- YoY: ▼ 4.7%

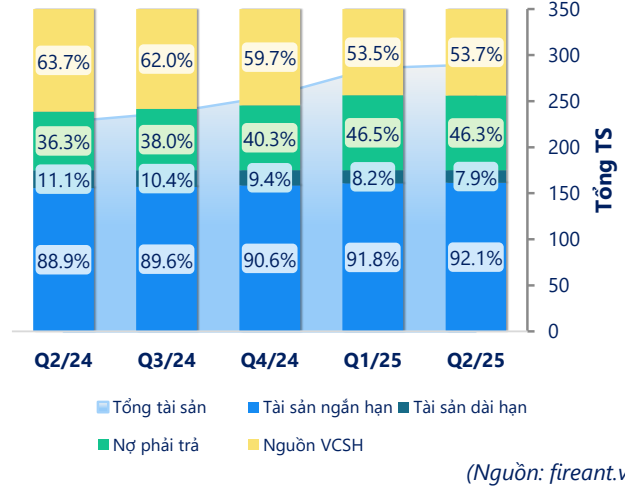
tỷ VNĐ

Kết quả kinh doanh

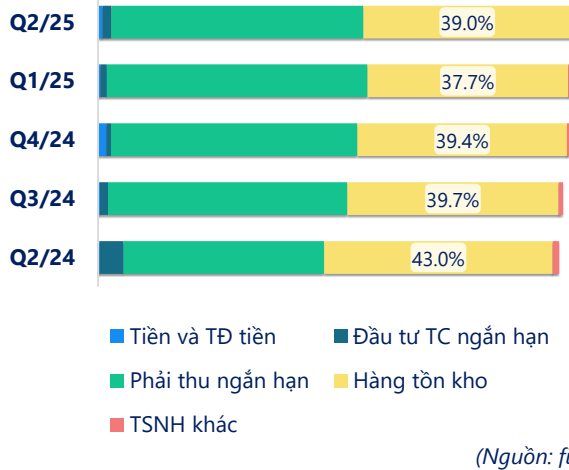


Cơ cấu Tổng tài sản

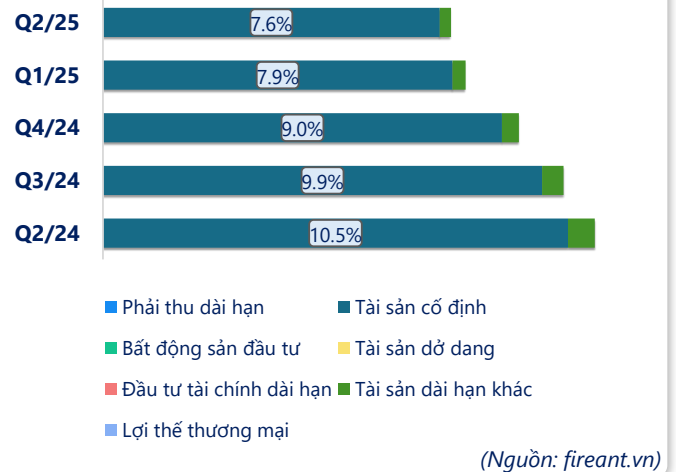
tỷ VNĐ



Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS

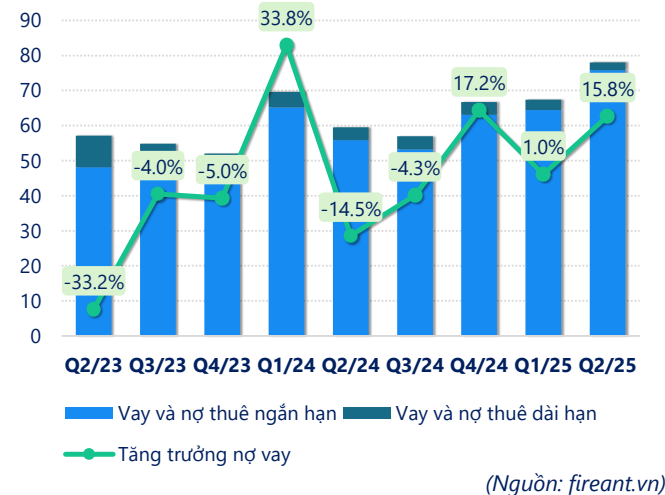


Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



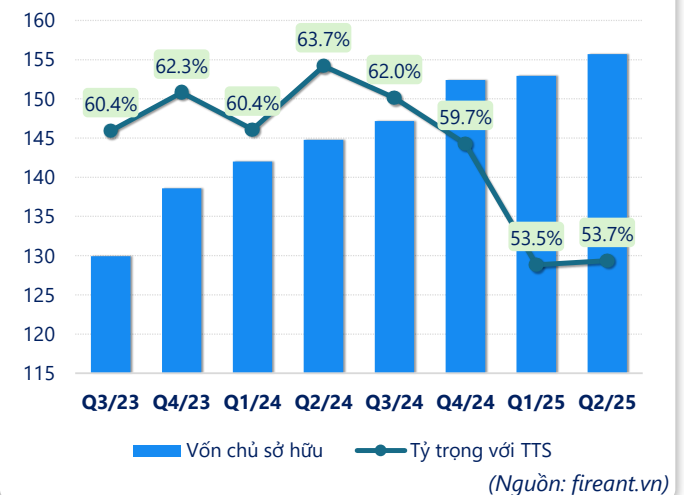
tỷ VNĐ

Nợ vay

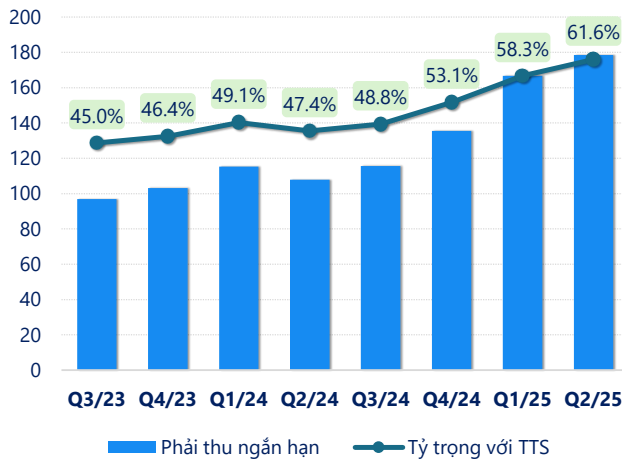


tỷ VNĐ

Vốn chủ sở hữu

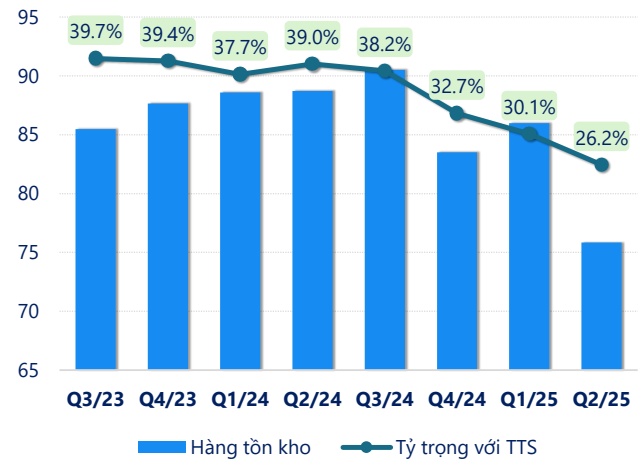


tỷ VNĐ

Phải thu ngắn hạn


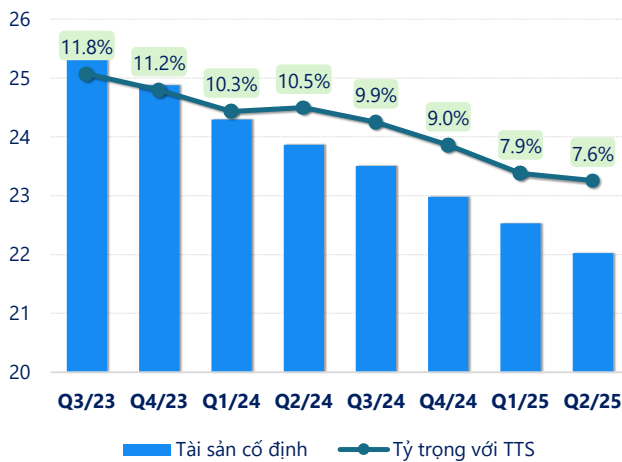
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Hàng tồn kho


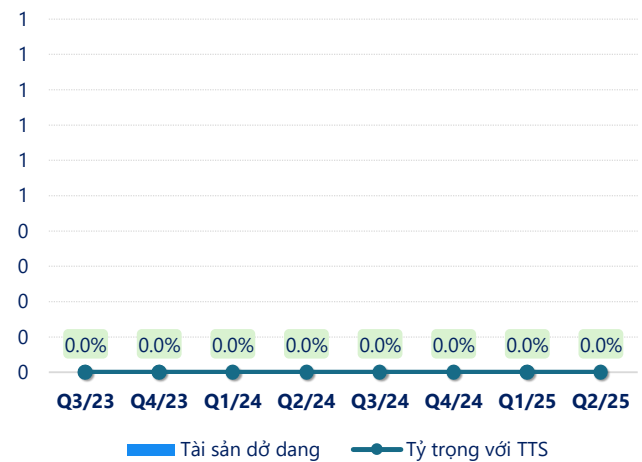
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

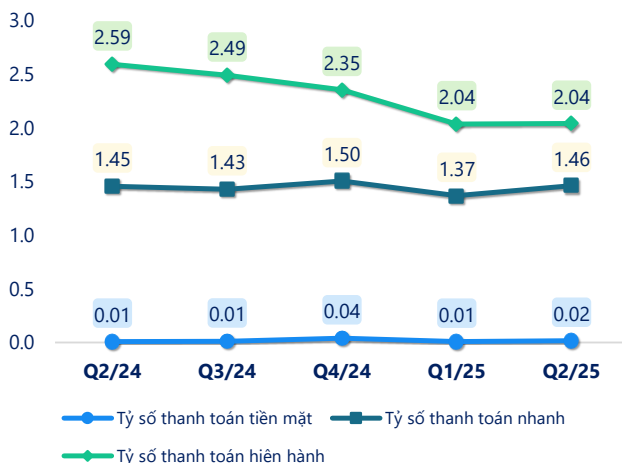
Tài sản cố định


(Nguồn: fireant.vn)

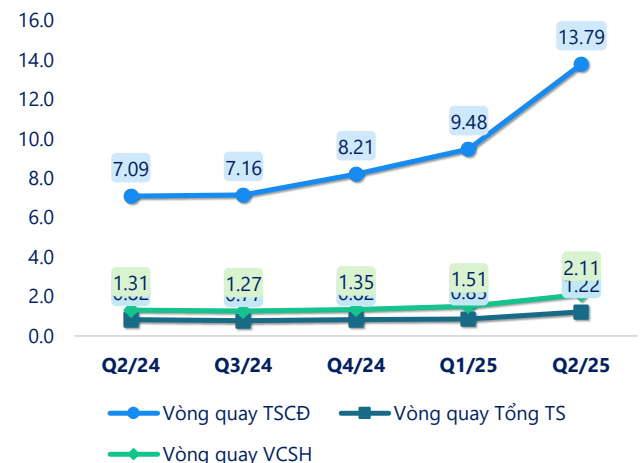
tỷ VNĐ

Tài sản dở dang


(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản


(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản


(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Tổng tài sản	227	237	255	286	290
Tài sản ngắn hạn	202	213	231	262	267
Tiền và tương đương tiền	0.75	0.92	3.96	1.11	2.28
Đầu tư tài chính ngắn hạn	3.90	5.10	8.18	8.18	10.2
Phải thu ngắn hạn	108	116	135	167	178
Hàng tồn kho	88.7	90.5	83.5	86.0	75.8
Tài sản ngắn hạn khác	0.97	0.31	0.16	0.37	0.16
Tài sản dài hạn	25.2	24.7	24.0	23.4	22.8
Phải thu dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản cố định	23.9	23.5	23.0	22.5	22.0
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	0	0	0	0	0
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản dài hạn khác	1.37	1.15	0.98	0.86	0.73
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	82.6	90.0	103	133	134
Nợ ngắn hạn	78.0	85.4	98.2	129	131
Vay và nợ thuê ngắn hạn	55.8	53.2	63.0	64.4	75.8
Phải trả người bán ngắn hạn	15.5	25.1	27.2	59.8	48.9
Nợ dài hạn	4.60	4.60	4.60	3.86	3.12
Vay và nợ thuê dài hạn	3.69	3.69	3.69	2.95	2.21
Nguồn vốn chủ sở hữu	145	147	152	153	156
Vốn chủ sở hữu	145	147	152	153	156
Vốn điều lệ	115	115	115	115	115
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)